

Trẻ em dân tộc thiểu số đi học bằng thuyền tại khu vực lòng hồ thủy điện Hòa Bình

Mai Linh*

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng trẻ em dân tộc thiểu số đi học bằng thuyền tại khu vực lòng hồ thủy điện Hòa Bình. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng và định tính thông qua khảo sát phụ huynh, phỏng vấn sâu giáo viên, cán bộ địa phương và phân tích tài liệu liên quan. Kết quả cho thấy trẻ em dân tộc thiểu số đi học bằng thuyền đối mặt với nhiều khó khăn liên quan đến điều kiện kinh tế gia đình, khoảng cách địa lý, giao thông đường thủy và điều kiện học tập. Đặc biệt, đặc thù giao thông đường thủy và điều kiện địa lý vùng lòng hồ là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì việc đến trường đều đặn của trẻ em. Bên cạnh đó, mặc dù phần lớn phụ huynh đã nhận thức được vai trò của giáo dục, song điều kiện sống khó khăn vẫn tác động đáng kể đến việc đến trường của trẻ em. Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục cho trẻ em dân tộc thiểu số đi học bằng thuyền, sống ở các khu vực có điều kiện địa lý bất lợi.

Từ khóa: trẻ em; dân tộc thiểu số; đi học bằng thuyền; lòng hồ thủy điện Hòa Bình; giáo dục.

Ngày nhận: 22/5/2026; ngày chỉnh sửa: 03/8/2026; ngày chấp nhận đăng: 30/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2026.12.3.12>

1. Đặt vấn đề

Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em (1989) và Luật Giáo dục (2019) chỉ ra rằng quyền học tập là một trong những quyền cơ bản của trẻ em. Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phổ cập giáo dục và mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ em vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Theo báo cáo về quyền tiếp cận giáo dục của trẻ em dân tộc thiểu số của UNICEF Việt Nam (2021), vẫn tồn tại sự chênh lệch đáng

kể trong khả năng tiếp cận giáo dục giữa các nhóm trẻ em ở khu vực thuận lợi với trẻ em sống tại vùng có điều kiện địa lý đặc thù và giao thông khó khăn.

Khu vực lòng hồ thủy điện Hòa Bình là địa bàn có điều kiện tự nhiên đặc thù, nhiều khu dân cư bị chia cắt bởi sông nước, giao thông đi lại chủ yếu phụ thuộc vào đường thủy. Đối với nhiều trẻ em tại các xã ven hồ như xã Mường Hoa, xã Tiên Phong và phường Tân Hòa, tỉnh Phú Thọ, thuyền là phương tiện gần như duy nhất để đến trường hằng ngày. Việc đi học bằng thuyền không chỉ làm gia tăng thời gian di chuyển mà còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn (đã có trường hợp bị đuối nước), đặc biệt trong mùa mưa bão hoặc thời tiết bất lợi. Bên

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội; email: mailinhxhh90@gmail.com

cạnh đó, 90% các hộ gia đình tại khu vực này là hộ dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế còn khó khăn, sinh kế thiếu ổn định, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì học tập của trẻ em.

Trên thế giới, vấn đề tiếp cận giáo dục của trẻ em vùng khó khăn, đặc biệt là trẻ em sống tại khu vực miền núi, sông nước và cộng đồng dân tộc thiểu số, đã được nhiều tổ chức quốc tế và học giả quan tâm nghiên cứu. Các nghiên cứu đều cho thấy khoảng cách địa lý, điều kiện giao thông và nghèo đói là những rào cản lớn ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền học tập của trẻ em. Theo báo cáo của UNESCO (2020), trẻ em sống ở khu vực có điều kiện địa lý khó khăn thường có nguy cơ bỏ học cao hơn do hạn chế về hạ tầng giao thông và khả năng tiếp cận trường học. Báo cáo của UNICEF (2019) chỉ ra rằng về trẻ em dân tộc thiểu số tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng chỉ ra rằng nghèo đói, giao thông cách trở và điều kiện sống khó khăn là những yếu tố làm gia tăng bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục. Nghiên cứu của Suryadarma và Jones (2013); Ahmed và cộng sự (2017) tại các quốc gia có điều kiện sông nước đặc thù như Bangladesh và Indonesia cho thấy việc trẻ em phải di chuyển bằng thuyền đến trường làm gia tăng nguy cơ gián đoạn học tập, đặc biệt trong điều kiện thời tiết bất lợi hoặc thiếu phương tiện giao thông an toàn.

Tại Việt Nam, vấn đề tiếp cận giáo dục của trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm trong những năm gần đây. Nghiên cứu của Đào Thị Hiếu (2021) về trẻ em dân tộc Cơ-ho và H'mông tại huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng cho thấy điều kiện kinh tế gia đình, khoảng cách địa lý và nhận thức của cha mẹ là những nguyên nhân quan trọng dẫn đến nguy cơ bỏ học của trẻ em dân tộc thiểu số. Nghiên cứu của Trần Thị Yên (2020) chỉ ra tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số bỏ học ở cấp trung học

cơ sở vẫn cao hơn so với khu vực đồng bằng, đặc biệt ở các địa bàn miền núi và vùng đặc biệt khó khăn. Nghiên cứu của Đàm Đức Dương (2022) cho thấy ảnh hưởng của vốn con người và vốn xã hội đến tình trạng bỏ học của học sinh trung học.

Một số nghiên cứu khác nhấn mạnh vai trò của gia đình và vốn xã hội trong việc duy trì học tập cho trẻ em. Nghiên cứu của Ngô Thị Trinh và Trần Ngọc Ngân (2023) cho thấy ngoài khó khăn kinh tế, trình độ học vấn của cha mẹ và mức độ quan tâm của gia đình đến việc học có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả học tập và nguy cơ bỏ học của trẻ em vùng dân tộc thiểu số. Nghiên cứu của Ngô Thị Nhung (2025) cũng đã chỉ ra trẻ em dân tộc thiểu số vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận giáo dục do điều kiện kinh tế - xã hội còn hạn chế.

Bên cạnh đó, các báo cáo của UNICEF Việt Nam (2021) và Tổng cục Thống kê (2019) cũng cho thấy trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi vẫn gặp nhiều hạn chế trong tiếp cận giáo dục do khoảng cách địa lý, thiếu cơ sở hạ tầng và điều kiện sống khó khăn. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào trẻ em dân tộc thiểu số hoặc trẻ em vùng khó khăn nói chung, trong khi các nghiên cứu chuyên sâu về trẻ em đi học bằng thuyền tại khu vực lòng hồ thủy điện còn rất ít. Đặc biệt, chưa có nhiều nghiên cứu về việc đi học của học sinh gắn với điều kiện giao thông đường thủy và đặc thù địa lý vùng lòng hồ thủy điện Hòa Bình.

Xuất phát từ thực tế trên, bài viết tập trung phân tích thực trạng trẻ em dân tộc thiểu số đi học bằng thuyền tại khu vực lòng hồ thủy điện Hòa Bình. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục cho trẻ em dân tộc thiểu số tại địa bàn nghiên cứu.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Khái niệm quyền học tập của trẻ em

Quyền học tập là một trong những quyền cơ bản của trẻ em, được ghi nhận trong Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em và trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Theo Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em (1989), trẻ em có quyền được giáo dục trên cơ sở bình đẳng về cơ hội; các quốc gia thành viên có trách nhiệm thúc đẩy việc đi học thường xuyên và giảm tỷ lệ bỏ học. Công ước đồng thời nhấn mạnh giáo dục phải hướng tới sự phát triển đầy đủ nhất về nhân cách, tài năng và năng lực trí tuệ, thể chất của trẻ em. Tại Việt Nam, Luật Trẻ em (2016) quy định trẻ em có quyền được học tập, được tạo điều kiện tiếp cận giáo dục nhằm phát triển toàn diện năng lực cá nhân. Quyền học tập không chỉ được hiểu là quyền được đến trường mà còn bao gồm khả năng tiếp cận giáo dục trong điều kiện an toàn, bình đẳng và phù hợp với hoàn cảnh sống của trẻ em.

Lý thuyết vốn xã hội

Coleman (1988) nhắc đến các loại vốn khác nhau và sự tương tác của chúng, cụ thể là vốn con người, vốn vật chất và vốn xã hội. Với khái niệm vốn xã hội, Coleman đưa nguyên tắc hành động hợp lý của các nhà kinh tế học vào phân tích các hệ thống xã hội. Coleman (1988) coi vốn xã hội là một lợi ích công cộng, nơi hành động của các cá nhân mang lại lợi ích cho toàn thể. Theo Coleman (1988), các cá nhân tham gia vào các tương tác xã hội, các mối quan hệ và mạng lưới chừng nào lợi ích còn tồn tại. Trong lĩnh vực giáo dục, các quan hệ gia đình và mạng lưới xã hội trong cộng đồng có thể cung cấp nguồn lực, thông tin, kỳ vọng và sự hỗ trợ cần thiết cho quá trình phát triển và học tập của trẻ em. Vốn xã hội thể hiện ở sự quan tâm của cha mẹ đối với

việc học của con, mối liên hệ giữa gia đình với nhà trường và sự hỗ trợ của cộng đồng đối với trẻ em.

Đối với trẻ em dân tộc thiểu số đi học bằng thuyền tại khu vực lòng hồ thủy điện Hòa Bình, lý thuyết vốn xã hội giúp lý giải vai trò của gia đình, giáo viên và cộng đồng trong việc hỗ trợ trẻ duy trì học tập. Trong điều kiện giao thông khó khăn và đời sống kinh tế còn hạn chế, sự quan tâm của cha mẹ, sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường, cũng như sự hỗ trợ của chính quyền địa phương có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm việc học tập cho trẻ em.

Cách tiếp cận quyền trẻ em

Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em (1989) xem trẻ em là chủ thể của các quyền cơ bản và nhấn mạnh trách nhiệm của nhà nước, gia đình và xã hội trong việc bảo đảm thực hiện các quyền đó. Theo cách tiếp cận này, giáo dục không chỉ là nhu cầu phát triển mà còn là quyền cơ bản của mọi trẻ em. Việc bảo đảm quyền học tập cần được nhìn nhận không chỉ ở khía cạnh trẻ em được đến trường mà còn ở khả năng tiếp cận giáo dục trong điều kiện an toàn, bình đẳng và liên tục.

Đối với trẻ em đi học bằng thuyền tại khu vực lòng hồ thủy điện Hòa Bình, quyền học tập gắn chặt với điều kiện giao thông đường thủy, an toàn đi lại và khả năng tiếp cận các dịch vụ giáo dục phù hợp với đặc thù địa lý địa phương.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu của Dự án “Nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật cho cha mẹ và trẻ em dân tộc thiểu số đi học bằng thuyền về quyền học tập và an toàn giao thông đường thủy nội địa tại tỉnh Hòa Bình” (5/2023-5/2024), được tài trợ bởi Quỹ Thúc đẩy Sáng kiến Tư pháp (Quỹ JIFF). Quỹ JIFF do Oxfam tại Việt Nam quản lý, là một trong hai hợp phần của

dự án “Tăng cường Pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” (EU JULE) do Liên minh châu Âu tài trợ và Bộ Tư pháp là cơ quan chủ quản. Dự án do Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển Công tác xã hội (CARDSW) làm giám đốc Dự án và tác giả bài viết là một trong 5 thành viên chính hưởng lương và thực hiện dự án. Số liệu khảo sát là 1 trong 10 hoạt động của dự án và tác giả được phép sử dụng số liệu để viết báo cáo. Dự án đã được nghiệm thu tháng 5/2024.

Nghiên cứu được thực hiện vào tháng 9/2023 tại ba địa bàn gồm: Trường tiểu học và trung học cơ sở (TH&THCS) Thái Thịnh, xã Hòa Bình, thành phố Hòa Bình (nay là phường Tân Hòa, tỉnh Phú Thọ); Trường TH&THCS Ngòi Hoa, xã Suối Hoa, huyện Tân Lạc (nay là xã Mường Hoa, tỉnh Phú Thọ); Trường Phổ thông Dân tộc bán trú (PTDTBT) Tiểu học và THCS Vây Nura, xã

Vây Nura (nay là xã Tiên Phong, tỉnh Phú Thọ). Đây là những địa bàn có nhiều trẻ em dân tộc thiểu số sử dụng thuyền làm phương tiện đi học hằng ngày.

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng cụ thể như sau. Thứ nhất là phương pháp phân tích tài liệu. Cụ thể là nhóm nghiên cứu đã thu thập và phân tích các văn bản pháp luật, báo cáo và nghiên cứu liên quan đến quyền học tập của trẻ em, trẻ em dân tộc thiểu số và giáo dục vùng khó khăn. Thứ hai là phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi. Nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn bằng bảng hỏi 151 cha mẹ có con đi học bằng thuyền (từ lớp 1 đến lớp 9) tại 3 trường. Đây là khảo sát tổng thể, tức là khảo sát tất cả các cha mẹ có con đi học bằng thuyền. Cả 3 trường có 172 học sinh đi học bằng thuyền, là con của 151 cha mẹ. Một số gia đình có 2-3 con đi học bằng thuyền.

Bảng 1: Khảo sát cha, mẹ có con đi học bằng thuyền tại 3 trường

Đặc trưng nhân khẩu học		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	69	45,7
	Nữ	82	54,3
Tuổi	Dưới 30 tuổi	29	19,2
	Từ 31-40 tuổi	84	55,6
	41-50 tuổi	26	17,2
	Từ 51-60 tuổi	9	6,0
	Trên 60 tuổi	3	2,0
Trình độ học vấn	Tiểu học	32	21,2
	Trung học cơ sở	83	54,9
	Trung học phổ thông	20	13,2
	Trung cấp, Cao đẳng	13	8,6

	Đại học, Sau đại học	3	1,9
Trường	Trường TH&THCS Thái Thịnh	45	29,8
	Trường TH&THCS Ngòi Hoa	39	25,8
	Trường PTDTBT tiểu học và THCS Vây Nưa	67	44,4

Về một số đặc điểm của nhóm được khảo sát, tỷ lệ nữ giới tham gia khảo sát nhiều hơn, chủ yếu tập trung ở Trường TH&THCS Ngòi Hoa, nơi mà học sinh đi học bằng thuyền ngang qua lòng hồ. Phần lớn người mẹ tự chèo thuyền đưa con đi học và chờ đón con về. Nhóm những người mẹ này chủ yếu có độ tuổi từ 31-40, trình độ học vấn từ trung học cơ sở đến trung học phổ thông.

Thứ ba là phương pháp phỏng vấn sâu. Nhóm nghiên cứu thực hiện phỏng vấn sâu 26 người (2 cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình, 6 cán bộ xã và y tế quản lý 3 trường, 18 giáo viên và cha mẹ học sinh tại 3 trường). Thứ tư là phương pháp thảo luận nhóm. Nhóm nghiên cứu tiến hành thảo luận 3 nhóm tại 3 trường, mỗi nhóm 12 người bao gồm: chủ thuyền, giáo viên và cha mẹ có con đi học bằng thuyền.

Về phân tích dữ liệu, dữ liệu định lượng được tổng hợp và phân tích theo các nhóm

nội dung nghiên cứu và được xử lý bằng SPSS. Dữ liệu định tính được phân tích theo chủ đề nhằm bổ sung và làm rõ các kết quả khảo sát.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Điều kiện tiếp cận giáo dục của trẻ em đi học bằng thuyền

Khu vực lòng hồ thủy điện Hòa Bình có địa hình bị chia cắt bởi sông nước, giao thông đường thủy là phương thức đi lại chủ yếu của nhiều hộ dân. Đối với nhiều trẻ em tại các xã ven hồ thuộc lòng hồ Hòa Bình, việc đến trường hàng ngày phụ thuộc vào thuyền. Điều này tạo nên đặc thù riêng trong quá trình tiếp cận giáo dục của trẻ em tại địa bàn nghiên cứu.

Bảng 2: Đặc điểm điều kiện đi lại đến trường của học sinh 3 trường khảo sát

TT	Trường học	Nơi ở của học sinh	Đường bộ đến trường (km)	Đường thủy bằng thuyền (km)	Thời gian từ bến đến trường bằng thuyền
1	Trường TH&THCS Thái Thịnh	Xóm Vôi	10-15 km	5-7 km	30-45 phút
2	Trường TH&THCS Ngòi Hoa	Xóm Ngòi	Không có	0,5 km	15-20 phút
3	Trường PTDTBT tiểu học và THCS Vây Nưa	Xóm Tham, Xóm Nưa	15-20 km	10-12 km	60-70 phút

Qua bảng số liệu trên cho thấy, điều kiện đi lại đến trường của học sinh 3 trường khảo

sát khá xa và gặp nhiều khó khăn, học sinh trường TH&THCS Ngòi Hoa hàng ngày đi

thuyền ngang lòng hồ, từ bờ bên này sang bờ bên kia. Học sinh trường TH&THCS Thái Thịnh đi học bằng thuyền dọc lòng hồ từ 5-7 km. Học sinh Trường PTDTBT tiểu học và THCS Vây Nưa đi học bằng thuyền dọc lòng hồ từ 10-12km, các em ở nội trú, sáng thứ 2 đi, chiều thứ 7 về.

Liên quan đến việc đi học bằng thuyền của trẻ em ở địa phương này, một số người trả lời phỏng vấn sâu cho biết như sau:

“Cán bộ xã và nhà trường đều vận động để 100% học sinh trong độ tuổi đến trường, học sinh Trường TH&THCS Thái Thịnh và trường TH&THCS Ngòi Hoa đi học bằng thuyền hàng ngày. Học sinh Trường PTDTBT tiểu học và THCS Vây Nưa, học bán trú, sáng thứ 2 dạy từ 5h sáng đến ra bến, cả tuần ở lại trường, chiều thứ 7 mang quần

áo về nhà giặt” (Nam, 49 tuổi, cán bộ Sở giáo dục và đào tạo).

“Đi học bằng thuyền nhanh hơn đi đường bộ, tiết kiệm thời gian, học sinh đi học bằng đường bộ vừa xa, nguy hiểm khi mưa, có lũ và sạt lở núi. Học sinh đi học bằng thuyền từ bé, mẫu giáo đã đi học bằng thuyền” (TLN, Nữ, 32 tuổi, phụ huynh học sinh xã Vây Nưa).

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn trẻ em đi học bằng thuyền thuộc các hộ gia đình dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn. Sinh kế của các hộ chủ yếu dựa vào khai thác thủy sản (25,8%), nuôi trồng thủy sản (26,5%), trồng trọt (60,3%), chăn nuôi (30,5%) (bảng 3), nên thu nhập thiếu ổn định. Trong bối cảnh đó, việc bảo đảm điều kiện học tập cho con em trở thành áp lực đối với nhiều gia đình.

Bảng 3: Nguồn thu nhập của cha mẹ có con đi học bằng thuyền

STT	Nguồn thu nhập	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Khai thác thủy sản	39	25,8
2.	Nuôi trồng thủy sản	40	26,5
3.	Trồng trọt	91	60,3
4.	Chăn nuôi	46	30,5
5.	Buôn bán thủy sản	4	2,6
6.	Lương/lương hưu	6	4,0
7.	Nguồn khác	7	4,6

(Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài)

Bên cạnh khó khăn kinh tế, điều kiện giao thông đường thủy cũng ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đến trường của trẻ em. Nhiều học sinh phải di chuyển quãng đường dài bằng thuyền trước khi đến trường. Vào mùa mưa bão hoặc thời điểm thời tiết xấu, việc đi học của trẻ em gặp nhiều khó khăn và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn. Một người trả lời phỏng vấn sâu cho biết:

“Có hôm mưa to, sóng lớn nên gia đình không dám cho con đi học vì rất nguy hiểm. Nhà cách trường xa, đi thuyền mất một tiếng” (Nữ, 34 tuổi, phụ huynh học sinh Trường PTDTBT TH&THCS Vây Nưa).

Như vậy, việc đến trường của trẻ em vùng lòng hồ không chỉ chịu tác động bởi điều kiện kinh tế mà còn gắn chặt với điều kiện địa lý đặc thù của địa phương.

3.2. Thực trạng duy trì học tập của trẻ em đi học bằng thuyền

Mặc dù phần lớn trẻ em trong độ tuổi vẫn được đến trường, song nguy cơ gián đoạn

học tập vẫn tồn tại ở nhiều hộ gia đình. Khảo sát cho thấy các khó khăn liên quan đến kinh tế, giao thông và điều kiện học tập ảnh hưởng đáng kể đến khả năng duy trì học tập của trẻ em.

Bảng 4: Những khó khăn ảnh hưởng đến việc học tập của trẻ em đi học bằng thuyền

STT	Những khó khăn chủ yếu	Tỷ lệ phụ huynh lựa chọn (%)
1	Điều kiện kinh tế gia đình khó khăn	76,2
2	Khoảng cách từ nhà đến trường xa	76,2
3	Giao thông đường thủy không an toàn	57,6
4	Thời tiết bất lợi, mưa bão	54,8
5	Thiếu phương tiện đi lại phù hợp	42,5
6	Trẻ phải phụ giúp gia đình	38,7

(Nguồn: Khảo sát của nhóm nghiên cứu tại tỉnh Hòa Bình, 2023)

Kết quả khảo sát cho thấy khó khăn kinh tế là rào cản lớn nhất ảnh hưởng đến việc học tập của trẻ em, với 76,2% phụ huynh lựa chọn. Điều kiện kinh tế là yếu tố ảnh hưởng lớn đến khả năng duy trì học tập của trẻ em đi học bằng thuyền. Phần lớn các hộ gia đình tại địa bàn nghiên cứu có thu nhập thấp và thiếu ổn định. 62,2% cha mẹ làm nông nghiệp, 11,9% thất nghiệp, 50% cha mẹ có trẻ em học Trường TH&THCS Ngòi Hoa đưa con đi học và chờ để đón con về. Liên quan đến vấn đề này, một số người trả lời phỏng vấn sâu cho biết:

“Gia đình đông con nên nhiều khi cũng rất áp lực. Ngoài tiền học còn nhiều khoản chi khác như sách vở, quần áo và đi lại” (PVS, nữ, 39 tuổi, phụ huynh, Trường TH&THCS Thái Thịnh).

“Lúc đầu gia đình tôi cũng không muốn cho con đi học vì nhà không có điều kiện, mà cũng muốn để con lớn thêm chút rồi con đi làm phụ kinh tế bố mẹ luôn. Nhưng sau này khi được các thầy cô vận động thường

xuyên, đến cả nhà để hỏi han nói chuyện rồi động viên, sau còn có cả các nhà tài trợ tặng quà, vậy nên gia đình tôi cũng như là nhiều người dân ở đây hiện giờ cũng cởi mở và cố gắng hết sức để đưa con tới trường, cố gắng phổ cập giáo dục đến cấp mầm non và tiểu học” (TLN, nam, 37 tuổi, phụ huynh trường PTDTBT TH&THCS Vầy Nưa).

“Nhiều gia đình quá khó khăn, không đóng được tiền thuyền, có gia đình 6 -7 tháng không đóng tiền, có những em nợ khoảng 5 đến 6 triệu. Có 2 anh em, hoàn cảnh khó khăn quá, bố mẹ bỏ nhau phải ở với ông bà không có điều kiện để đóng tiền đi thuyền. Tôi đòi mãi cũng không được vì quen biết cả mà không chở các cháu nữa thì các cháu phải nghỉ học luôn” (Nam, 47 tuổi, chủ thuyền chở học sinh Trường TH&THCS Thái Thịnh).

Về việc đến trường của trẻ em ở địa bàn nghiên cứu, đặc điểm địa hình bị chia cắt bởi sông nước khiến giao thông đường thủy trở thành phương thức đi lại chủ yếu của học

sinh. Kết quả khảo sát cho thấy 57,6% phụ huynh lo ngại về mức độ an toàn của giao thông đường thủy đối với trẻ em đi học bằng thuyền. Đây là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc đến trường của trẻ em, đặc biệt trong mùa mưa bão hoặc thời điểm thời tiết bất lợi. Ngay cả cán bộ xã cũng đều hiểu rất rõ về việc các gia đình lo lắng khi con em đi học bằng thuyền. Một cán bộ xã cho biết:

“Điều phụ huynh lo nhất là an toàn của các cháu khi đi học bằng thuyền. Những

ngày nước lớn hoặc có gió mạnh thì rất nguy hiểm” (PVS, nam, 42 tuổi, cán bộ xã Vây Nưa, huyện Đà Bắc).

Kết quả khảo sát cho thấy đa số phụ huynh đã nhận thức được vai trò của giáo dục đối với tương lai của con em. Tuy nhiên, trong một số gia đình vẫn tồn tại quan niệm ưu tiên lao động sản xuất hơn học tập hoặc cho rằng học cao chưa chắc cải thiện điều kiện sống.

Bảng 5: Nhận thức của cha mẹ về vai trò của giáo dục đối với trẻ em

STT	Nội dung đánh giá	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục giúp trẻ có tương lai tốt hơn	140	92,7
2	Gia đình cần ưu tiên việc học của con	126	83,4
3	Học tập giúp giảm nghèo bền vững	119	78,8
4	Học cao chưa chắc cải thiện cuộc sống	52	34,4

(Nguồn: Khảo sát của nhóm nghiên cứu tại tỉnh Hòa Bình, 2023)

Mặc dù phần lớn phụ huynh đánh giá tích cực về vai trò của giáo dục, song vẫn còn một bộ phận cho rằng học cao chưa chắc mang lại cơ hội việc làm tốt hơn. Quan điểm này phản ánh ảnh hưởng của điều kiện kinh tế và cơ hội việc làm còn hạn chế tại địa phương. “Nhiều phụ huynh rất muốn con học tiếp nhưng họ cũng lo học xong rồi vẫn khó tìm việc làm ổn định” (PVS, Nữ, 33 tuổi, giáo viên Trường PTDTBT TH&THCS Vây Nưa). Bên cạnh đó, trình độ học vấn thấp của cha mẹ cũng ảnh hưởng đến khả năng hỗ trợ học tập cho trẻ em tại gia đình.

3.4. Vai trò của gia đình, nhà trường và địa phương trong hỗ trợ trẻ em đến trường

Kết quả nghiên cứu cho thấy gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương đã có nhiều nỗ lực trong việc hỗ trợ trẻ em duy trì học tập. Nhiều giáo viên thường xuyên liên hệ với phụ huynh và đến tận nhà vận động

học sinh quay lại trường đối với các trường hợp nghỉ học kéo dài. Một số người được phỏng vấn sâu cho biết:

“Nếu học sinh nghỉ học nhiều ngày thì giáo viên sẽ phối hợp với gia đình để tìm hiểu nguyên nhân và vận động các cháu quay lại lớp” (PVS, nữ 37 tuổi, giáo viên, Trường TH&THCS Thái Thịnh).

“Gia đình cũng tạo mọi điều kiện cho con đi học, ở xóm Ngòi, con đi học là mẹ phải nghỉ làm để phục vụ và đưa đón con, từ nhà đến bến là 1km, từ bến đến trường là 5km. Mỗi nhà phải có 2 xe máy, 1 thuyền, 1 xe máy để bờ bên này, 1 xe máy ở bờ bên kia. Con học cả ngày, mẹ phải đi thuyền chở con 4 lần đi về, hoặc buổi trưa đón con, cho con ăn ở quán, nghỉ ngơi, đầu giờ chiều đưa con vào lớp, ngồi chờ cuối giờ đón con về. Chỉ mỗi chồng đi làm nuôi cả gia đình rất vất vả” (Nữ, 32 tuổi, phụ huynh học sinh trường TH&THCS Ngòi Hoa).

Bên cạnh đó, các trường học tại địa bàn nghiên cứu cũng triển khai nhiều hình thức hỗ trợ như tổ chức bán trú, hỗ trợ đồ dùng học tập và phối hợp với địa phương trong quản lý học sinh. Chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể đã quan tâm đến công tác bảo đảm việc đến trường cho trẻ em vùng lòng hồ thông qua các hoạt động hỗ trợ hộ nghèo, tuyên truyền và vận động xã hội hóa giáo dục.

Như vậy, dữ liệu từ nghiên cứu thực địa cho thấy vai trò quan trọng của gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ học sinh đến trường và hạn chế nguy cơ trẻ em bỏ học.

4. Giải pháp đảm bảo việc đến trường bền vững của trẻ em đi học bằng thuyền tại khu vực lòng hồ thủy điện Hòa Bình

Kết quả nghiên cứu cho thấy khó khăn kinh tế của các hộ gia đình là một trong những rào cản lớn ảnh hưởng đến khả năng duy trì học tập của trẻ em đi học bằng thuyền. Vì vậy, giải pháp quan trọng là có thể hỗ trợ kinh phí đi lại hoặc tổ chức cho các em học sinh đi học bằng thuyền không mất tiền.

Điều kiện giao thông đường thủy có ảnh hưởng trực tiếp đến việc đến trường của trẻ em vùng lòng hồ. Do đó, cần tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng và bảo đảm an toàn giao thông đường thủy cho học sinh đi học bằng thuyền. Nhà nước nên sớm có kế hoạch xây cầu ở xóm Ngòi để học sinh Trường TH&THCS Ngòi Hoa có thể tự đi học và cha mẹ đi làm, hiện nay trong gia đình 1 trong 2 cha mẹ phải nghỉ làm để đảm nhiệm việc đưa đón con đi học bằng thuyền.

Các địa phương cần rà soát, nâng cấp bến thuyền, trang bị đầy đủ áo phao và thiết bị cứu hộ cho học sinh; đồng thời kiểm tra điều kiện an toàn của các phương tiện vận

chuyển. Bên cạnh đó, các địa phương cần đẩy mạnh tuyên truyền và tập huấn kỹ năng an toàn giao thông đường thủy cho phụ huynh, học sinh và người điều khiển phương tiện. Đối với các khu vực có khoảng cách đi học quá xa, cần xem xét mở rộng mô hình bán trú hoặc bố trí điểm trường phù hợp nhằm giảm thời gian và nguy cơ di chuyển của học sinh.

Mặc dù đa số phụ huynh đã nhận thức được vai trò của giáo dục, song trong một số gia đình vẫn tồn tại quan niệm ưu tiên lao động sản xuất hơn học tập. Vì vậy, cần tiếp tục tăng cường truyền thông về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của trẻ em. Đồng thời, cần phát huy vai trò của nhà trường, các tổ chức đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng trong vận động trẻ em đến trường.

5. Kết luận

Trẻ em dân tộc thiểu số đi học bằng thuyền tại khu vực lòng hồ thủy điện Hòa Bình gặp nhiều khó khăn do điều kiện địa lý, giao thông đường thủy, khó khăn kinh tế gia đình. Trong đó, khoảng cách đến trường, nguy cơ mất an toàn khi di chuyển bằng đường thủy và áp lực sinh kế là những rào cản ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì việc đến trường của trẻ em. Vì vậy, giải pháp cụ thể để đảm bảo trẻ em ở địa phương này đến trường bền vững là: hỗ trợ kinh phí đi lại hoặc tổ chức cho các em học sinh đi học bằng thuyền không mất tiền, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng và bảo đảm an toàn giao thông đường thủy cho học sinh đi học bằng thuyền, tăng cường truyền thông về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của trẻ em.

Tuyên bố sử dụng AI: Tác giả bài viết sử dụng ChatGPT để hỗ trợ tìm tài liệu cho phần tổng quan nghiên cứu.

Tài liệu trích dẫn

- Ahmed M et al. 2017. *Education Access among Riverine Children in Bangladesh*: BRAC Institute. Dhaka.
- Coleman J.S. 1988. “Social Capital in the Creation of Human Capital”. *American Journal of Sociology* 94: 95–120.
- Đàm Đức Dương. 2022. “Ảnh hưởng của vốn con người và vốn xã hội đến tình trạng bỏ học của học sinh trung học”. *Tạp chí Nghiên cứu Con người* 4: 66-71.
- Đào Thị Hiếu. 2021. “Thực trạng đi học của trẻ em dân tộc Cơ-ho và Hmông ở huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng hiện nay”. *Tạp chí Khoa học xã hội Tây Nguyên* 2: 117-125.
- Liên hợp quốc. 1989. *Công ước về Quyền trẻ em*. New York.
- Ngô Thị Trinh, Trần Ngọc Ngân. 2023. “Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh vùng dân tộc thiểu số”. *Tạp chí Giáo dục* 12 (3): 64-69.
- Quốc hội. 2013. “Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. *Thư viện pháp luật*. Truy cập tháng 4 năm 2026. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx>
- Quốc hội. 2016. “Luật Trẻ em”. *Thư viện pháp luật*. Truy cập tháng 4 năm 2026. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-tre-em-2016-303313.aspx>.
- Quốc hội. 2019. “Luật Giáo dục”. *Thư viện pháp luật*. Truy cập tháng 4 năm 2026. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-giao-duc-2019-367665.aspx>.
- Suryadarma, D., & Jones, G.W. 2013. *Education in Indonesia*, Institute of Southeast Asian Studies. Singapore.
- Tổng cục Thống kê. 2019. *Kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số Việt Nam*.
- Trần Thị Yên. 2020. “Học sinh dân tộc thiểu số cấp THCS bỏ học ở Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Dân tộc học* 5:37-41.
- UNESCO. 2020. *Global Education Monitoring Report: Inclusion and Education – All Means All*. UNESCO Publishing. Paris.
- UNICEF. 2019. *Education and Ethnic Minority Children in Asia-Pacific*. UNICEF. New York.
- UNICEF Việt Nam. 2021. *Báo cáo về quyền tiếp cận giáo dục của trẻ em dân tộc thiểu số*.
- United Nations. 1989. *Convention on the Rights of the Child* (General Assembly resolution 44/25, 20 November 1989). United Nations.